

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/ST-HNGĐ

Ngày: 21/5/2021.

V/v xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Khuất Thị Toàn.

2. Ông: Hoàng Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Hồng H

Địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Địa chỉ liên lạc: Xóm Tể, xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Trung K

Địa chỉ: SN 17, đường H, tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng H trình bày: Chị và anh K kết hôn với nhau vào ngày 05/01/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2009 đến tháng 7/2015. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ cuộc sống gia đình với nhau, chị H cho rằng mang danh nghĩa là vợ anh K nhưng luôn xảy ra những mâu thuẫn hàng ngày không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa dẫn đến chị và anh K đã sống ly thân nhau từ

tháng 12/2020 cho đến nay mà không qua lại quan hệ với nhau nữa. Tháng 12/2020 chị H đã làm đơn xin ly hôn ra Tòa một lần sau đó đã rút đơn về để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả hiện tại vẫn sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Do vậy chị H làm đơn xin được ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung:

1. Cháu Đỗ Hà L - Sinh ngày 25/01/2013;
2. Cháu Đỗ Đức Tr - Sinh ngày 26/8/2017.

Ly hôn chị H đề nghị mỗi người nuôi một cháu, chị H nuôi cháu Đỗ Hà L, anh K nuôi cháu Đỗ Đức Tr. Về cấp dưỡng do bản thân còn khó khăn nên không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng anh K xác nhận về thời gian địa điểm kết hôn, quá trình chung sống như ý kiến chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng mỗi người một công việc khác nhau, bản thân anh là lái xe thuê công việc thường xuyên không ở nhà chị H cho rằng không quan tâm đến vợ con dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, không hiểu và thông cảm được cho nhau dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ 12/2020 chị H bỏ về quê ngoại cho đến nay mà không qua lại liên lạc với nhau nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh K không đồng ý ly hôn. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng tôi có 02 con chung như chị H trình bày. Trường hợp ly hôn anh K xin trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có; không đề nghị giải quyết

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn đề nghị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn; anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa ra được ý kiến quan điểm của mình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TTDS, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại 70, 71 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 228 Bộ luật TTDS;

Điều a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh K;

Về con chung: Có 02 con chung cháu Đỗ Hà L - Sinh ngày 25/01/2013 và cháu Đỗ Đức Tr - Sinh ngày 26/8/2017 giao cho chị H, anh K mỗi người nuôi một cháu, chị H nuôi cháu L; anh K nuôi cháu Tr, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho và hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000,đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Bị đơn anh Đỗ Trung K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ khoản 1,3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng. Trong vụ án này yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Quan hệ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Hồng H và anh Đỗ Trung K kết hôn ngày 05/02/2009, có đăng ký tại UBND xã T, huyện Vĩ X, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện, nguyên nhân xin ly hôn theo chị H trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H có đơn xin được xét xử vắng mặt trong đơn đề nghị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K. Bị đơn anh K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa ra được quan điểm yêu cầu của mình. Tại bản tự khai và quá trình tố tụng anh K giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ mong muốn chị H quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị H, anh K trong thời gian chung sống với nhau chị H, anh K có đăng ký tạm trú tại tổ 12, phường N, TP Hà Giang , tuy nhiên anh K làm nghề lái xe thường xuyên vắng mặt trên địa bàn tổ. Quá trình chung sống với nhau chị H, anh K vợ chồng mâu thuẫn hay không tổ không nắm được, vì việc sinh hoạt tại tổ anh, chị không tham gia sinh hoạt hay đóng góp gì cho tổ dân phố. Hiện tại chị H đã không ở cùng anh K từ trước tết cho đến nay không có mặt tại địa bàn tổ chỉ biết là anh, chị đã sống ly thân. Xét về tình cảm vợ chồng chị H, anh K đã bị sút mẻ, đã sống ly thân nhau nhau, hơn nữa chị H đã làm đơn ra Tòa một lần sau đó vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng vợ chồng không cải thiện được, nếu cứ níu kéo để chị H quay lại đoàn tụ chung sống với anh K thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh K đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh K có 02 con chung cháu Đỗ Hà L- sinh ngày 25/01/2013 và cháu Đỗ Đức Tr - sinh ngày 26/8/2017. Hiện tại hai cháu đang ở cùng anh K và bà nội, nay chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cháu, anh K nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai, đồng thời theo nguyện vọng của cháu L, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thấy để đảm bảo việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Cần giao cho chị H, anh K mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cháu cháu là phù hợp đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Giao cho chị H nuôi cháu L, anh K nuôi cháu Tr không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung và hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Hồng H về việc xin ly hôn với anh Đỗ Trung K.

2. Xử cho chị Đinh Thị Hồng H được ly hôn với anh Đỗ Trung K.

3. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đỗ Hà L; sinh ngày 25/01/2013 đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Giao cho anh Đỗ Trung K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đỗ Đức Tr; sinh ngày 26/8/2017 đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0002447 ngày 24/02/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi

hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bên đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã T,
Huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghi